

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí  
thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí  
khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành  
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12  
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số  
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một  
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và  
Lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ  
Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng  
nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-  
BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều  
của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài Chính  
hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân  
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định, như sau:

### 1. Đối tượng nộp phí:

a) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, các điều kiện cần và đủ đảm bảo việc thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất (bao gồm cấp lần đầu, cấp mới, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp);

b) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai.

**2.** Đối tượng miễn nộp phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai: Hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.

### 3. Mức thu phí:

a) Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

*(Chi tiết theo Phụ lục I gửi kèm)*

b) Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:

*(Chi tiết theo Phụ lục II gửi kèm)*

### 4. Tổ chức thu phí:

a) Thu phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện và thành phố;

b) Thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai; Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện và thành phố; Trung tâm Thông tin, dữ liệu và Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

#### 5. Quản lý và sử dụng phí

a) Đối với phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Tổ chức thu phí được trích lại 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và lệ phí; số còn lại 10% (mười phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Đối với phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai:

- Tổ chức thu phí là Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai các huyện và thành phố; Trung tâm Thông tin, dữ liệu và Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường được trích lại 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải cho các nội dung chi theo quy định của Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; số còn lại 10% (mười phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

- Tổ chức thu phí là Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nộp 100% số phí thu được vào ngân sách nhà nước.

c) Tổ chức thu phí thực hiện kê khai, thu, nộp phí và quyết toán theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

d) Các nội dung khác liên quan đến kê khai, thu, nộp phí được thực hiện theo quy định của Luật Phí và lệ phí; Nghị định số 120/2016/NĐ-CP; Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và thay thế Nghị quyết số 49/2017/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và

sử dụng phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website Chính phủ; Website tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. **7005**

**CHỦ TỊCH**




**Lê Quốc Chính**



**Phụ lục I**  
**MỨC THU PHÉ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Nghị quyết số 78/2022/NQ-HĐND  
ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	Công việc	ĐVT	Mức thu (đồng)	
			Hộ gia đình, cá nhân	Tổ chức
<b>I</b>	<b>Cấp GCN lần đầu</b>			
1	Cấp GCN đối với đất			
1.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	500.000	1.500.000
1.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	400.000	1.400.000
2	Cấp GCN đối với nhà ở và tài sản gắn liền với đất			
2.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	550.000	1.500.000
2.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	450.000	1.400.000
3	Cấp GCN đối với đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất			
3.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	600.000	2.000.000
3.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	500.000	1.800.000
<b>II</b>	<b>Cấp mới, cấp đổi, cấp lại GCN</b>			
1	Cấp GCN đối với đất			
1.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	400.000	650.000
1.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	300.000	600.000
2	Cấp GCN đối với nhà ở và tài sản gắn liền với đất			
2.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	400.000	650.000
2.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	300.000	600.000
3	Cấp GCN đối với đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất			
3.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	500.000	800.000
3.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	400.000	750.000
<b>III</b>	<b>Chứng nhận biến động trên giấy chứng nhận đã cấp</b>			
1	Cấp GCN đối với đất			
1.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	350.000	650.000
1.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	300.000	600.000
2	Cấp GCN đối với nhà ở và tài sản gắn liền với đất			
2.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	400.000	650.000
2.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	300.000	600.000
3	Cấp GCN đối với đất, nhà ở và tài sản gắn liền với đất			
3.1	Tại thành phố Nam Định	Đồng/giấy	450.000	900.000
3.2	Tại các huyện	Đồng/giấy	400.000	800.000


**Phụ lục II**  
**MỨC THU PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI**  
*(Kèm theo Nghị quyết số 78/2022/NQ-HĐND*  
*ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)*

STT	Tên các loại hồ sơ	Đơn vị tính	Dự kiến mức thu (đồng)			
			Khai thác Cung cấp theo hình thức trực tiếp		Khai thác Cung cấp thông tin, tài liệu qua đường bưu chính, hệ thống thông tin	
			Dạng giấy	Dạng số	Dạng giấy	Dạng số
<b>I</b>	<b>Đối với tổ chức</b>					
1	Cung cấp tài liệu bản đồ, tài liệu thông tin địa lý	Mảnh	15.000	12.000	15.000	12.000
2	Cung cấp tài liệu khác về đất đai	Trang	5.000	4.000	5.000	4.000
3	Trích xuất, tổng hợp thông tin từ tài liệu lưu trữ	Trường dữ liệu		2.000		2.000
<b>II</b>	<b>Đối với cá nhân</b>					
1	Cung cấp tài liệu bản đồ, tài liệu thông tin địa lý	Mảnh	10.000	8.000	10.000	8.000
2	Cung cấp tài liệu khác về đất đai	Trang	5.000	4.000	5.000	4.000
3	Trích xuất, tổng hợp thông tin từ tài liệu lưu trữ	Trường dữ liệu		2.000		2.000

**Ghi chú:**

- Mức phí trên được tính cho việc Cung cấp thông tin, tài liệu trực tiếp dưới hình thức cấp bản sao hoặc cấp chứng thực lưu trữ cho 1 trang tài liệu khổ A4 hoặc 1 mảnh bản đồ, tài liệu thông tin địa lý dạng giấy. Khi số lượng trang (hoặc mảnh) khai thác > 1, mức cho mỗi trang (hoặc mảnh) tăng thêm tính bằng 0,11 mức quy định trong bảng trên (áp dụng số trang nhân bản của một trang (mảnh) hoặc trang tiếp theo trong cùng 01 hồ sơ yêu cầu cung cấp).